中正漢學研究 2017 年第二期(總第三十期) 2017 年 12 月 頁 177~206 國立中正大學中國文學系

# 西學東漸與書籍交流: 近代越南《新訂國民讀本》的歐亞旅程\*\*

阮俊強(Nguyễn Tuấn Cường) \*梁氏秋(Lương Thị Thu) \*\*

#### 摘 要

近世「西學東漸」運動在東亞漢字文化圈包括書籍在內,有較為廣泛的影響。本文針對越南「東京義塾」1907 年木刻出版的《新訂國民讀本》尋找源流。通過東西書籍的對照研究,指出其書的最早來源是英人 Hugh Oakeley Arnold-Forster(1855-1909)於1886 年在英國出版的 The Citizen Reader(意味著「國民讀本」)。英國本教材很快名聞世界,在19世紀末傳入日本,受到熱烈的歡迎。日本教育家很快加以模仿而編寫出幾部日本語《國民讀本》。二十世紀初葉,某一日本語版又影響中國,出現1903 年漢語的《國民讀本》。通過越南當時的「新書運動」,漢語《國民讀本》又流傳到越南,當時越南教育改革家亦模仿並節略中國本而「新訂」成爲越南漢文版《新訂國民讀本》。因此,越南的這部教材具有英國、日本和中國書籍的三重影響,說明近世東西書籍交流和影響不只十分複雜,亦極為有趣。各個國家的編撰者在他們的教科書中都創造了新的「區別」,但是,無論如何改變,各國版本都保留了新學與西方知識的核心問題。

**關鍵詞:**《國民讀本》、《新訂國民讀本》、越南、書籍交流、新書

<sup>\*</sup>作者按: This research is funded by Vietnam National Foundation for Science and Technology Development (NAFOSTED) under grant number 602.02-2016.03。本文首次發表於「2017 近世意象與文化轉型」國際學術研討會,台灣中正大學 2017 年 4 月 27-28 日。本文作者感謝日本學者幫助搜集資料,列名如下: 北九州市立大學金鳳珍 (Kim Bong Jin) 教授、關西大學沈國威 (Shen Guowei) 教授、早稻田大學笹原宏之 (Sasahara Hiroyuki) 教授,美國哈佛大學博士生阮國榮 (Nguyễn Quốc Vinh)。

<sup>\*</sup>編按:本文由本系侯汶尚博士生協助全文修潤,並由本校歷史所潘青皇博士生協助編校引用書目。

<sup>\*</sup> 越南社會科學翰林院所屬漢喃研究院院長。

<sup>\*\*</sup> 越南社會科學翰林院所屬漢喃研究院碩士。

# 一、前言

沉迷於儒學傳統的千百年來,直到十九世紀的最後幾十年至二十世紀初,各東亞國家面臨來自各西方帝國的政治、經濟和文化的三大方面的威脅。在政治與經濟上的是歐美殖民主義、屬地爭奪、尋找新的市場等問題。在文化上的是歐美文化浪潮侵入,技術文明,工業文明,教育改革、排除儒教、語言思想及社會現代化的需求等問題。在此現代化的過程中,通過激進知識界的活動,(包括個人活動和組織活動)我們需要清楚地認識從外國傳入屬地國的資料和書本系統中的新知識的重要作用。這些書本被稱為「新書」,反映「新學」的知識,於儒教的「舊學」對立「。在越南,雖然東京義塾(1907-1908)只在短時間內運行,但是已經帶來了一陣新鮮「維新」之風,實現了開民智、振民氣、發揮愛國心的使命。東京義塾學校還編纂了一系列教材,內容包括多方面的新知識,這就是「新書」,反映當時的「新學」知識。

關於東京義塾的《新訂倫理教科書》(1907年刻印),阮南已指出:該書的由來起源於日本秋山四郎學者(Akiyama Shiro)的《中學倫理書》(刻印於1899年),該書的下冊被董瑞椿1903年在中國翻譯並印發,隨後東京義塾的志士對此中譯本進行「新訂」,成為《新訂倫理教課書》(1907年刻印)。<sup>2</sup>

本文受啟發於越南二十世紀初「維新」文化社會背景與當時士夫從「新書」系統接收新知識的需求,以考察越南東京義塾的另外一套漢文教材題為《新訂國民讀本》 (1907 年木刻版)的起源,並用茲理解到近代時期從西方轉移到東方的文化與書籍的關係。

# 二、越南維新風、東游運動和東京義塾

#### (一)「維新風從東海吹來」3

十九世紀末年(歐美)西方大資本國家逐漸發展成為帝國主義國家,不斷爭奪殖民 地與侵佔在亞洲和非洲地區的市場。中國和越南逐漸被列入西方各強國所侵略的名單。 明治維新(1868)之前日本命運也是一髮千鈞。如果日本內部爭執不能迅速並機智地解 決以有效地對付當時國際情況,那麼日本也就像亞洲的許多國家一律成為西方各國的誘

<sup>&</sup>lt;sup>1</sup> 中國清代末年「新學」的各領域已經闡述於:Michael Lackner and Natascha Vittinghoff eds., Mapping Meanings: The Field of New Learning in Late Qing China (Leiden & Boston: Brill, 2004).

Nguyễn Nam, "Thiên hạ vi công: Đọc lại Tân đính Luân lí giáo khoa thư trên bối cảnh Đông Á đầu thế kỉ 20," Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, 5 (122), 2015, pp.121-141.

<sup>&</sup>lt;sup>3</sup> 引 自:"Văn tế Phan Tây Hồ của Phan Sào Nam," Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa (TP Hồ Chí Minh: Nxb. Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2000), p.170.

餌。<sup>4</sup>但是超過所有的阻礙,日本維新事業終於獲得了成功,改變了日本的歷史,使日本成為亞洲乃至世界的強國。<sup>5</sup>

日本改革的風浪早已影響到中國。一群帶著改良思想的知識份子,如康有為(1858-1927)、梁啟超(1873-1929)等主張中國如想生存就必須盡快改革。日本明治時期對中國當時各知識階層的深刻影響,當時約有一萬中國學生在日本留學,<sup>6</sup>同時出現無數從日本語譯成漢語的讀物。<sup>7</sup>

越南封建國家自十九世紀末年已經成為法國的殖民地,各個以武裝暴力抗法革命運動先後都被熄滅。進入二十世紀,日本維新風浪傳流到越南。明治時期維新風浪的流傳力早已被越南一些有改革思想的士大夫如阮長祚(Nguyễn Trường Tô, 1830-1871)、阮露澤(Nguyễn Lộ Trạch, 1853-1898)等在 1860年代提起。<sup>8</sup>尤其在俄日戰爭(1904-1905)中的日本戰勝后,日本成為越南人的興趣來源並將其視為一個榜樣,一個刺激越南發展的動因,甚至是一位可施的救星。<sup>9</sup>許多越南知識份子自問:日本是一個像越南一樣的小國,經過幾十年改革,從明治時期(1868)之後,就能夠於西方強國並列,那麼越南豈能不改革?這個問題在越南當時已被實踐化,體現於建立了維新會(Hộ Duy Tân, 1904-1912)、東游運動(Phong trào Đông Du, 1905-1909)、東京義塾(Đông Kinh Nghĩa Thực, 1907-1908)等各活動。<sup>10</sup>

#### (二)東游運動(1905-1909)

在 20 世紀初,越南有識之士潘佩珠 (Phan Bội Châu, 1867-1940) 和畿外侯彊柢 (Kỳ Ngoại hầu Cường Để, 1882-1951) 於 1904 年在廣南 (中部)成立了維新會。這是一個主張以暴力和求外援抗法,建立偏向君主立憲制度的越南革命運動。1905 年,潘佩珠被維新會選派到東京請求日本軍事幫助越南抵抗法國。通過梁啟超在日本的推薦,潘會面了日本議士犬養毅 (Inukai Tsuyoshi, 1855-1932) 和大隈重信 (Okuma Shigenobu, 1838-1922)。那時俄日戰爭剛剛結束,日本雖戰勝但也耗盡國力。而且日本不想跟法國結怨,這意調著向西方列強尋釁。因此日本兩位議士犬養毅和大隈重信勸潘應該集中發展

<sup>&</sup>lt;sup>4</sup> Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa, pp.80-81.

<sup>&</sup>lt;sup>5</sup> W. G. Beasley, The Meiji Restoration (Standford: Standford University Press, 1972).

中國學生從 1896 年到 1905-1906 年開始到日本留學大概有 8000 人(較之於當時只有 160 人在美國留學)。參見: Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa,p.171.

<sup>&</sup>lt;sup>7</sup> Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa, tr.pp. 170-171.

<sup>8</sup> Nguyễn Tiến Lực, "Nhận thức của trí thức Việt Nam cuối thế ki XIX đầu thế ki XX về cận đại hoá Nhật Bản," 載: Trần Quang Minh và Ngô Hương Lan chủ biên, Các vấn đề lịch sử - văn hoá – xã hội trong giáo lưu Việt Nam – Nhật Bản (Hà Nôi: NXB Đại học Quốc gia Hà Nôi, 2015), pp.319-336.

<sup>&</sup>lt;sup>9</sup> 參見: Tran My-Van, "Japan through Vietnamese Eyes (1905-1945)," Journal of Southeast Asian Studies 30, 1 (March 1999): 126. 英文原文: "Japan became a source of inspiration and began to be perceived as a model, a stimulant and even as a possible saviour of Vietnam."

<sup>&</sup>lt;sup>10</sup> Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa, pp.80-81.

國內的維新運動,以提高民氣、民智,庶幾可以實現自強、自主。犬養毅還答應潘盡力幫助越南留學生獲准在日本居住並免學費。<sup>11</sup>梁啟超也告訴潘佩珠:向日尋得援助軍事是不可能實現的,同時建議潘跟維新會的同志們集中培養民智、民氣和人才。潘依照建議,隨後回國推動東游運動(1905-1909),密送越南青年到日本留學,避免法國的窺伺。在1907年派往日本的學生人數最多時約200人,他們分別來自越南三個地方:北部(40多)、中部(50左右)、南部(100多)。這些留學生被安排到振武學校和東亞同文書院學習。<sup>12</sup>留學生到東京留學希望回國後,為了家鄉的改革事業做出貢獻,最終可以從法國手裡奪回民族自決權。這樣,日本不僅是給越南培訓人才的地方,而且還成為越南民族運動的基地。<sup>13</sup>

#### (三)越南東京義塾

越南著名志士潘問楨(Phan Châu Trinh, 1872-1926)於 1906 年初在日本逗留大約三、四個月的時間,在這段時間中(他跟潘佩珠一起到日本)他已經關注、考察日本人自強的方針,參觀慶應義塾大學(Keio University)——所由福澤諭吉(Fukuzawa Yukichi,1835-1901)創立的私塾大學,是用來給明治維新之後新興的日本國培養人才。回到河內後,潘問楨跟梁文玕(Luong Vǎn Can, 1854-1927)探討在河內成立一所義塾,類似慶應義塾,以開闊民智、培訓同志為長期目標<sup>14</sup>。學校成立於 1907 年年初,根據日本學校名的命名為東京義塾。「東京」是胡朝(1400-1407)升龍城的名字,也重名於日本首都(Tokyo)。塾長是梁文玕,監學是阮瓘(Nguyễn Quyễn, 1869-1941)。學校主張反「舊學」、反腐儒、反漢字、反科舉,提倡國語字、學習新方法、接受西方開放思想、倡導人本、發揮創新性、提高民族精神與愛國主義。自學校成立茲始,東京義塾兼有白班和夜班,包括小學、中學和大學的三個培訓體系。學生人數最初大約只有三十個、六十個、後來迅速地增加到上百個、有時達到一千名學員。<sup>15</sup>

在組織方面,學校有四個工作組:教育組、財政組、鼓動組、修書組。其中修書組 負責編撰教師和學生的教學和學習的材料。材料來源大部分提取於新書(如中國的新 書、新文),或者摘錄自適合學校教育目的的古典文章。在簡短的時間內,修書組已編 撰了一些教課書,包括《新訂國民讀本》、《南國佳事》、《國文教科書》、《新訂倫 理教科書》等。這些都是漢字刻木版,在宣紙印成上百版,免費發放給學生、會員與共

<sup>&</sup>lt;sup>11</sup> Nguyễn Hiến Lê, Đông Kinh Nghĩa Thục (Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin, 2002), pp.34-35.

<sup>12</sup> Phan Huy Lê, "Phong trào Đông Du trong giao lưu văn hóa Việt – Nhật", trong Quan hệ văn hóa giáo dục Việt Nam – Nhật Bản và 100 năm phong trào Đông Du (Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006), p.49.

13 開東東京 東京 東京 Vĩnh Sính edg. Phon Bội Châu and the Đông Du Movement (Naw Heaven: Vale

<sup>13</sup> 關於東游運動,參見: Vĩnh Sính eds., Phan Bội Châu and the Đông Du Movement (New Heaven: Yale Southeast Asia Studies, the Lạc Việt Series No. 8, 1988).

<sup>&</sup>lt;sup>14</sup> Nguyễn Hiến Lê, Đông Kinh Nghĩa Thục, pp.42-43.

<sup>15</sup> Chương Thâu, Đông Kinh Nghĩa Thục: Phong trào cải cách văn hóa xã hội, tư tưởng đầu thế kỷ XX (Hà Nội: Nxb. Hà Nội, 1982),p. 61.

同遵旨的學校,有時出售給商店以收回成本。修書組還買了許多在中國和日本出版的作品,如:《中國魂》、《萬國史記》、《瀛寰志略》、《日本三十年維新史》等,以便於教學與編寫教材的時候參考。<sup>16</sup>

東京義塾從 1907 年 3 月在河內開辦,直到 1907 年 12 月一直以一所合法學校的形式運行,並擴大活動到周圍的幾個省,如南定省、太平省等。這不僅是教育新知識的學校、開闊民智的地方,「而且它作為一個愛國組織、一個義塾運動、維新運動、對於越南民族歷史上有一定的意義。」<sup>17</sup>學校的活動在北圻引起了以河內為中心的愛國運動,所以開始被法國直接鎮壓。1908 年年初,法國藉口學校會擾動民心,扣押學校的許可證。學校被停辦後,大部分書籍資料被燒毀。同時法國還為難了許多在東游運動中,出洋到日本的越南青年家庭,並且對日本政府施加壓力,要求驅逐越南留學生,迫使他們回國。衞藤瀋吉(Eto Shinkuchi)認為:「東游運動遇到的困難是法國當局者的鎮壓政策,但明顯的是日本政府也要擔負對於共同消滅東游運動的連帶責任」,<sup>18</sup>促使此運動在 1909 年解體。

「維新風從東海吹來」越南,出現了一些充滿熱情的革命運動,儘管它們存在的時間不長。越南許多世系通過這些運動而開放了眼光。他們接受從日本、中國傳來的一些新思想與論說如:民族解放思想、民族共和、君主立憲、地方自治、社會主義、國粹主義、發展教育以救國、發展經濟以救國等論說。這些思想傾向大多都通過新書印版得到傳播。

# 三、新書與跨陸地的知識

新書(new books)是指一些包含新的知識、即新學知識(new learning)的書籍。新學是新的學習內容和方法,與舊知識(舊學)即傳統儒家之學不同。章輸教授認為:「這些新知識包括關於自然科學和社會科學的知識,從數學、物理、化學到地理、歷史、經濟、政治、哲學等知識,多數從西方書籍翻譯。有時新書不是直接從西方書籍翻譯,而是從日本語翻譯。有時它們僅概括基本的意義,目的是介紹『西方的文明』,推薦以模仿與革新。因此新書與十九世紀在中國偏向西方資產的改革維新思想互相聯結。」<sup>19</sup>

-

<sup>&</sup>lt;sup>16</sup> Chương Thâu, Đông Kinh Nghĩa Thục, pp.40-41.

<sup>&</sup>lt;sup>17</sup> Đào Thu Vân, "Nhận thức về giáo dục Nhật Bản có trí thức Việt Nam đầu thế kỉ XX và dấu ấn của mô hình Khánh Úng Nghĩa Thục (Keio Gijuku) trong phong trào Nghĩa Thục ở Việt Nam," Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng, 59, 2014, p.59.

Eto Shinkichi, "Tính hai mặt của Nhật Bản thời Minh Trị và mối quan hệ Nhật – Việt," 25 năm quan hệ Việt Nam – Nhật Bản 1973-1998 (Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội, 1999), p.86.

<sup>&</sup>lt;sup>19</sup> Chương Thâu, Đông Kinh Nghĩa Thục,p.24.

#### (一)日本和中國的新書

新書從哪裡來?轉載西方文明、思想進入東方的橋樑就是日本。在明治維新之前的兩個世紀中,通過蘭學(Rangaku,荷蘭學、歐學)的道路,日本已經翻譯了許多歐洲的書籍。根據統計數據、從 1706 到 1852 年,日本人已經翻譯了 113 本德文書,30 本拉丁文書、30 本法文書、20 本英文書、20 本從荷蘭語翻譯到日本語的書籍,總共 213 本書。 20 到了明治時代,日皇施行了一系列根據西方各國為模型的改革措施,希望最快地接受西方的知識和技術。當時改革者主張將日本脫離中國影響區,以便可以列入跟西方各國爭奪的隊伍,這樣才可以保持獨立,擺脫儒教思想束縛以實現現代化。為了實現上述的主張,一方面日本政府積極地邀請更多行業的歐美專家,到日本講學與指導日本人。另一方面選派大量學生到其他歐美的國家留學,不僅學習技術方面,還要學習西方人做事方法、思維方式,以期回國後,他們將成為改革事業的棟樑。21

翻譯與介紹西方思想、文明的風潮為頭等優先。西方印版可以分為兩類:(1)科學技術書,尤其有關軍事和工業書籍;(2)關於社會機制、政治、經濟以及西方文明的一些精神和基本價值觀的問題的書,如科學精神、獨立性等書籍。<sup>22</sup> 根據統計數據:社會科學譯書的數量為 633 本(算到 1887 年),文學書 120 本(算到 1890 年),其中多半是英文書和法文書。屬於社會科學類的書籍即指關於經濟、政治、法律、統計等書。這些書是日本關於西方政治、社會機制的最早的「知識教科書」。當時英國出版的大多數重要書籍都被翻譯成日語。<sup>23</sup>譯者是那些屬於士族(shizoku)階級的人,即當時日本社會中流階層的人。翻譯西書運動與在明治前半期(1868—1889)的本地著作有著對於促進加速日本更新的進程,起到了將日本成為一個連思想帶經濟的富強國的積極作用。

中國與日本之間的書籍交流歷史早已進行,書籍數量十分豐富,具有中譯日和日譯中的雙向性。<sup>24</sup>到十九世紀末,翻譯新書的浪潮從日本慢慢蔓延到中國。「從 1902 到 1907 年的期間日譯中文書的浪潮達到高峰,每年年均有 50 本翻譯書出版(1903 年達到紀錄為 200 本翻譯書)。日譯書包括多種,從哲學、社會科學到自然科學。據日本學者實藤惠秀(Saneto Keishu)的《中譯日文書目》(Chuyaku Nichibun Shomoku)統計,有 2,600 本日譯中文書從 1896 到 1945 年被出版。」<sup>25</sup>

Rebekah Clements, A Cultural History of Translation in Early Modern Japan (Cambridge: Cambridge University Press, 2015), p. 153.

Nguyễn Thị Việt Thanh, "Nhật Bản - nhịp cầu chuyển tải tư tưởng và văn minh phương Tây vào phương Đông", Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX (Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 1997), 15-16.

<sup>&</sup>lt;sup>22</sup> Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa, p.160.

<sup>&</sup>lt;sup>23</sup> Nguyễn Thị Việt Thanh, "Nhật Bản - nhịp cầu chuyển tải tư tưởng và văn minh phương Tây vào phương Đông," 15-16.

<sup>&</sup>lt;sup>24</sup> 王勇、大庭修主編:《中日文化交流史大系—典籍卷》(杭州:浙江人民出版社,1996);王勇等著:《中日書籍之路研究》(北京:北京圖書館出版社,2003)。

<sup>&</sup>lt;sup>25</sup> Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa, p.172.

#### (二)越南的新書26

越南當時亦在新書浪潮之中。雖然在二十世紀初越南沒有像日本和中國將外語譯成母語(越南語)的新書翻譯浪潮,<sup>27</sup>但是當時越南各志士已經很積極地接受與轉播新書,他們買外國書,然後在越南重複刻印、使之廣泛流傳。越南的新書是民主、民權、獨立、自由和文明的體現。東京義塾成為一個依照新書的宗旨開設的教育中心,監學阮瓘大膽地提出改革口號:「開新界,轉新學行;迎新潮,建新民業;新書,新報,新文」等。<sup>28</sup>

我們或可以這樣說,東京義塾通過一些接受新書影響的資料,如《文明新學策》、《新訂國民讀本》、《國文教科書》、《新訂倫理教科書》等書籍,已開啟了普及新概念、新思想的風潮。新書已帶給越南各志士在認識與行動方面上的一個轉折點。潘周楨認為西方文明價值「像一陣清風,透入腦袋,吹淨掩蓋今時的煙霧」<sup>29</sup>。潘佩珠也說:「我小時候在國內已讀了梁啟超所寫的一些書,如《戊戌政變》、《新民叢報》、《中國魂》,我十分羨慕。」<sup>30</sup>新書不僅對成長於 1900 年代,像潘佩珠、潘周楨這樣的人有影響,而且直到二十年後,對於 19 世紀 20 年代的人,對越南新書的印跡還很深刻。<sup>31</sup>

#### 四、越南 1907 年《新訂國民讀本》與其文本源流的問題



越南漢喃研究院所藏《新訂國民讀本》 (館藏編號 A.174) 封面

在東京義塾的新書中,我們注意到一部漢文書,顏題為《新訂國民讀本》(以後簡稱《新訂》)。該書沒題作者姓名,由東京義塾在1907年進行木刻印行。該書有兩集,第一集有49頁,第二集有50頁,每頁兩面,依照木刻板印刷的。該印品曾經大量地發行,但是經歷過兵火與長時間的流傳,大部分已經失落了,現在只有以下三個地方還有保留:越南漢喃研究院(河內)編號 A.174;越南第一國家檔案中心(北圻統使室,檔案號56.247);法國普羅旺斯地區艾克斯市的海外檔案中心(檔案號 SPCE/351)。這三部書都是1907年

<sup>&</sup>lt;sup>26</sup> 關於越南的「新書」,參見: Nhiều tác giả, Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX (Hà Nôi: Nxb. Chính trị Quốc gia, 1997).

<sup>&</sup>lt;sup>27</sup> Phan Châu Trinh, Giai nhân kì ngộ (Sài Gòn: Nxb. Hướng Dương, 1958).

<sup>&</sup>lt;sup>28</sup> Chương Thâu, Đông Kinh Nghĩa Thục,p. 49.

<sup>&</sup>lt;sup>29</sup> Phan Châu Trinh, Giai nhân kì ngộ,p. 39.

<sup>&</sup>lt;sup>30</sup> Phan Bội Châu, Phan Bội Châu niên biểu, Phạm Trọng Điềm, Tôn Quang Phiệt dịch (Hà Nội: Nxb. Văn sử địa, 1957), p.52.

<sup>&</sup>lt;sup>31</sup> Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa,p. 175.

木刻板印刷,所以它們的形式和內容大致是相似的。因此本文使用漢喃研究院 A.174 編號為代表版本。此版是木版刻印,有 190 頁,開本 26cm\*15cm,包括上下兩卷,有〈編輯大意〉和〈目錄〉。全書有 79 個內容題目,分為幾個部分,有獨立的標題<sup>32</sup>。《新訂》的全文已被翻譯成越南語,在越南出版,並附有漢文影版。<sup>33</sup>

重讀這本以 20 世紀初東亞為背景的書促使我們不斷探尋書中知識的出處。通過觀察各內容部分的國家來源,我們可以看出書中有四大知識板塊:(1)關於西方文明的知識,如:第 68 條目:〈資本〉、第 79 條目:〈公司〉、第 76 條目:〈銀行〉、第 77 條目:〈欠票、匯票及銀行折扣〉、第 54 條目:〈法國民的跡據〉;(2)關於日本的知識,如:第 30 條目〈日本官爵及政府〉,第 31 條目〈日本國議會及地方議會〉,第 36 條目:〈日本學校〉,第 40 條目:〈日本徵兵略法〉,第 46 條目:〈日本裁判制度〉,第 47 條目:〈日本刑罰〉,第 52 條目:〈日本地方警察〉;(3)關於中國的知識,如:第 45 條目:〈日本刑罰〉,第 52 條目:〈日本地方警察〉;(3)關於中國的知識,如:第 45 條目:〈中國司法各官〉;(4)關於越南的知識,如:第 9 條目:〈我國立國之古〉,第 10 條目:〈我國開化之早〉,第 29 條目:〈本國官爵及政府〉。上述僅是單方面的知識專目,還有許多多方面交叉並互相混合的其他條目未被提及。這種知識背景在 20 世紀初特別豐富,多種多樣的。在這裡我們分享一下阮南的觀點:當我們閱讀本書中關於日本的內容時,「讀者不免二乎關於編輯本書(指《新訂倫理教科書》)的原始資料來源?」<sup>34</sup>《新訂》的作者使用何材料?「新訂」了什麼?是否起源於日本,再傳到中國,後來到越南,是否像阮南已指出《新訂倫理教科書》(1907 年)的流傳道路一樣?<sup>35</sup>

經過長時間奔波尋找東、西方各類書籍資源,現在我們可以初步勾畫出此書的傳播路徑。簡略地說:越南東京義塾的 1907 年刻印《新訂國民讀本》版本是按照中國朱樹人的 1903 年印發《國民讀本》而進行「新訂」工作。朱樹人又可能基於日本的某一個作品(或者基於英文版)。日本的該書版本又從英國學者 Arnold-Forster 在 1886 年出版的 The Citizen Reader 原本作品翻譯與重寫而來。因此可以換個說法:此書的流傳道路、內容的「本地化」和語言的「本語化」是從英國到日本,又從日本傳到中國,最後來到越南的。

下面我們主要根據各本的目錄,加上一些內容字句對比,先後展開分析並比較各版本。在本文後面的附錄部分,我們將提供英、日、中、越等 4 個國家的 5 個作品的目錄對照表以展示它們之間的相同與差異。

-

<sup>32</sup> 參見文後附錄

<sup>33</sup> Đỗ Văn Hỉ, Vũ Văn Sạch 譯, Tân đính Quốc dân độc bản, 载: Chương Thâu biên soạn, Đông Kinh Nghĩa Thục và văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục, tâp 2 (Hà Nôi: Nxb. Hà Nôi, 2010), pp.243-329, pp.330-522.

<sup>&</sup>lt;sup>34</sup> Nguyễn Nam, "Thiên hạ vi công: Đọc lại Tân đính Luân lí giáo khoa thư trên bối cảnh Đông Á đầu thế kỉ 20."

<sup>35</sup> 同註 34。

#### 五、英國: Arnold-Forster 的 The Citizen Reader (1886)

The Citizen Reader 一書由 Hugh Oakeley Arnold-Forster (1855-1909)所撰,於 1886出版,裡面有當代英國教育家、資本家、政治家 William Edward Forster (1818-1886)的序言。由 Cassell & Company Limited 出版社出版,該出版社在倫敦、巴黎、紐約都有辦公室。我們所使用的版本是紐約公共圖書館(The New York Public Library)的數位化網站



First Edition printed January 1886.

Reprinted March, April, June, September, and October 1886,
January, 1887. Revised Edition for London School Board April 1887, Reprinted
September 1887, January and July 1888, April 1889, January and June
1890, 1891, January, September, and October 1898. New and Revised Edition
re-set with New Illustrations March 1894.

Reprinted 1896. Revised and added to 1898, Reprinted 1900.
Revised 1902. Reprinted May and August 1904.

SCOTTISH REDITION.

First printed March 1892.

Reprinted 1893. Revised 1894, Reprinted 1895, 1899.

New Revised Edition October 1904.

hathitrust.org, 1904 印,<sup>36</sup>和 Alberta, Canada 大學(The University of Alberta Libraries)的 數价化網站 archive.org。<sup>37</sup>

紐約公共圖書館本(1904年初版),第二頁說明:該書初版印與 1886年 1 月。在一年之內(1887年 1 月),該書已經再版六次。書在 1887、1894、1898、1904不斷修訂。到 1898年,12年之內,已經售出 310,000本,成為當時的暢銷書。

The Citizen Reader 不僅在歐美列強熱銷,而且該書賦予推廣文化、教育民智目的,已經漂洋過海流傳到東亞,首先是在日本。在第 260,000 本前言(Preface to the  $260^{th}$  Thousand)有云:

這個蘇格蘭版本的《國民讀本》已經經歷了三版,並且由於在連續兩年中大量的購買《國民讀本》,此書很大一部分已被用於日本學校,這本書對於有興趣了解日本教育部門的人可能有用。一個十分準確的法西斯版本的《國民讀本》已在東京產生,其無論是在內容,註釋,彩色製版上,都有著驚人的精確度。38

37 Hugh Oakeley Arnold-Forster, The Citizen Reader (London: Cassell & Company Limited, date unclear): <a href="https://archive.org/details/citizenreaderfor00arno">https://archive.org/details/citizenreaderfor00arno</a> (檢索時間: 2017年2月).

<sup>&</sup>lt;sup>36</sup> Hugh Oakeley Arnold-Forster, The Citizen Reader (London: Cassell & Company Limited, 1904 - revised version): <a href="https://babel.hathitrust.org/cgi/pt?id=nyp.33433081652871;view=1up;seq=8">https://babel.hathitrust.org/cgi/pt?id=nyp.33433081652871;view=1up;seq=8</a> (檢索時間: 2017年2月)。

See: Arnold-Forster, The Citizen Reader (1904), p. 4. 英文原文: "The "Scottish Edition of the Citizen Reader" has now gone through three editions, and it may possibly be of some interest to those who use thisbook to know that the Japanese Educational Authorities, after having purchased a large number of copies of the Citizen Reader in two consecutiveyears, have now apparently adopted it to a large extent for use in Japanese schools. An exact facsimile edition of the Citizen Reader," in which text, illustrations, coloured plates, and cover are copied with astonishing accuracy, has been produced at Tokio."



PREFACE TO THE 2807M THOUSAND.

ATTER the lasm of more than a queries of a million copies, the "Citizen Intacke" will continue to the I factor with Teachers and Richeley. The fine the continue to the I factor with Teachers and Richeley. The fine the Interest of the I factor of the I fa

該前言沒有說明撰寫時間。但在第 260,000 印本的前言又有 1898 年第 310,000 印本的前言,證明第 260,000 印本的前言早於 1898。第二頁記載,本書的「蘇格蘭版本」於 1892 年 3 月初版,1893 年再版,1894 年修訂,1895 年、1899 年再版。因此我們得到結論: (1) The Citizen Reader 很早就已傳播到日本,得到日本教育機構購買,並在各所學校使用。(2)該書已經被刻印在東京,而於 1898 年之前發行。

The Citizen Reader 共有 22 章,在第 18 章提到教育的箴言為:「敬畏天主就是智慧的開始。知識就是力量」(「The fear of the Lord is the beginning of wisdom. Knowledge is power」)。在這, Arnold-Forster 提出要去學校的三個理由來說服青年男女:

上學的三個理由:10:我現在可以說出為什麼你應該樂於上學並在那裡學到很多東西。11:首先,因為你學的越多,你越能欣賞那些已經被創作出來的偉大作品,你越能更好的理解關於自然的這些精彩作品,你也越能更好的運用這些寶藏。12:期次,你應該樂於上學,因為通過訓練你的思維以及學習什麼是歷史,地理和科學,可以教會你更好的服務於自己的國家並且成為一位好的市民。13:最後,你應該樂於上學,因為只有通過在那裡得到的指導,你才可以接觸你的專業,無論是什麼,才可以不落後於國外的高級技工與能手。39

H. O. Arnold-Forster, The Citizen Reader (1904), pp. 189-190. 英文原文: "Three Reasons for going to School: 10. I have now given you the reasons why you should be glad to go to school, and to learn all you can while you are there. 11. In the first place, because the more you learn the more you will enjoy all the great books that have been written, the better you will understand the wonderful works of Nature, and the better use you will be able to make of its treasures. 12. In the second place, you should be glad to go to school, because by training your mind, and learning what history, geography, and science can teach, you will be better able to serve your country and to be a good citizen. 13. And, lastly, you should be glad to go to school, because it is only by the instruction you get there that you can hope to get on in your trade or profession, whatever it may be, and to prevent being left behind by eleverer workers and quicker hands in foreign countries."

貫穿整本書的主題是教育。*The Citizen Reader* 的內容和價值都體現於原是英國教育委員會副主席 W. E. Forster 的 1885 年「前言」(Preface):

這個國民讀本,在我看來,是一次填補課本空白的成功嘗試,而這些空白在此之前,讓我驚奇的是,從未被填補過。毫無疑問,在學校的絕大多數孩子不只有社會的責任,還有個人的責任需要承擔。對於男孩而言,這種教導,在大多數情況下,是通過直接的行動表現出來;而女孩是通過間接的但是有力的影響他們不僅被教導要過一種正直的生活,並且要幫助那些因為家庭聯繫而對其負有責任的人,而且作為一個愛國的國民,他們對自己的國家也負有責任這些責任的履行會很大程度上受到國家相關部門信息的幫助。40

該書的目的已經非常清楚,因此可以證明為何 *The Citizen Reader* 有如此的影響力。我們進一步解釋,認為:(1)書的內容價值符合青少年渴望探討強國文化科技的需求。(2)西方列強在東亞殖民國的傳播文化目的和中亞的接受西方文化、文明的需要。因此,*The Citizen Reader* 在世界各地廣闊流傳。

#### 六、日本:近代的3本《國民讀本》

 $(1887 \cdot 1890 \cdot 1910)$ 

日本資料,我們在日本國會圖書館(國立國會圖書館 National Diet Library)找到幾本不同的《國民讀本》。若以越南《新訂》初版年 1907 年來參照,我們找到三本同名的日本書籍,其中兩本初版時間(1887 年和 1890 年)早於越南本,另外一本初版時間(1910年)稍微晚於越南本。

#### (一) 井田秀生的《國民讀本》(1887)

目前我們尚未找到很多有關作者井田秀生(Ida Hideo,?-?)的生平。從日本國會圖書館得知,井田秀生是《皇國小文典》(Kokoku Shobunten, 1894)、《小學高等新讀本》(Shogaku Koukou Shindokuhon, 1887)、《書道手引》(Shodo Shuin, 1909)等著作的作者。井田秀生的著作偏向於語文教育和藝術,其中有《國民讀本》一書。該書最後

<sup>40</sup> Arnold-Forster, The Citizen Reader (1904), p.3. 英文原文: "This Citizen Reader seems to me a successful attempt to fill a gap in school books which I am surprised has not been filled before. There is no doubt that the enormous majority of school children will have public as well, as private duties to perform —the boys, in most cases, by direct action, and the girls by indirect but powerful influence. They will be called upon not only to load an upright life, and to do what they rightly can to help those who are bound to them by family ties, but it will also be their duty to serve their country as patriotic citizens; and the fulfilment of this duty will be greatly aided by some knowledge of the institutions of their country."

部分有作者的簡單敘述:「著者・愛知縣士族・井田秀生・東京々橋區因幡町十番 地」。

井田秀生的《國民讀本》於 1887 出版,共四冊,牧野善兵衛等出版社出版,該書屬於小學國語(日本語)教科書。從日語的假名字母,井田秀生使用生動圖畫來說明和解釋每個音節。作者把每個假名字母放在對應的詞彙和漢字系統,以便小學生學習記憶,增加詞彙量。這些詞彙屬於語言和科學領域。作者在序言云:

本書用於公立小學教科書。以外,該書即將用在普通教科書。開頭部分簡而 易懂,越往後難度越增加。這樣讓初學者在學習方面不覺得累或懶於學習, 並可準確地評價學生的學習水平。每個音節、詞或片語都同時以口語和文言 來陳述,詞彙的變動和轉換並符合現實的日常生活需求,讓它不只是空談, 只有外表沒有內涵。41

因此,井田秀生的四冊《國民讀本》如序言所講「不僅是寄放知識的地方」。這本書是教小學生假名文字。該書是語音教科書、日本小學國語教材,同時也是提升民智的工具書。井田秀生的《國民讀本》所提到的知識範圍與英國的 The Citizen Reader (日本語翻譯同名)無關。

#### (二)高賀詵三郎的《國民讀本》(1890)

從日本國會圖書館查詢結果得知,高賀詵三郎(Koga Senzaburo,?-?)著述 35 本書,其中有《現代婦人の研究》(Gendai Fujin no Kenkyu, 1916)、《軍人勅諭捷解》(Gunjin Chokuyu Shokai, 1902)、《日本倫理史略》(Nihon Rinri Shiryaku, 1903)、



《発音と口語》(Hatsuon to Kogo, 1907)等名著。1890年到1939年初版的著作屬於哲學、歷史、社會科學與語言等領域。 《國民讀本》是高賀詵三郎的其中作品之一。該書最後部分有作者信息:「編輯者・新潟縣士族・高賀詵三郎・東京麹町區飯田町二丁目十番地」。

高賀詵三郎的《國民讀本》於 1890 年初版,敬業社出版。該書屬於知識教育類。 於十九世紀末,當時日本教育系統正在發展,討論精神以國民教育為基礎。當時的教育家和啟蒙

<sup>41</sup> 井田秀生,《國民讀本》(牧野善兵衛等,明治十九年(1887)四月出版),凡例頁。日文原文:「本書ハ尋常小学校ノ讀本二供スル者ナレドモ。或ハ簡易小学科ノ讀本二用ヒ得ベク。意ヲ用ヒタリ。初巻ハ事ノ最モ易キヲ録シ。巻ヲ逐テ漸ク難キニ入ル。是生徒ノカヲ量リテ。習讀ノ際楽テ倦ム"ヲ忘レシムルノ意ナリ。一行文ハ。浮華ヲ去リ務メテ適實近易ノ文字ヲ用ヒテ。雅俗ノ間ニ出入ス」。

家,必會提到日本內閣總理大臣伊藤博文(Ito Hirobumi,1841-1909)非常關心極端歐化 問題。他們提出不同觀點來建設日本國民的道德,以傳統儒家為根,結合西方的科學方 法。有觀點認為國家的根本是國民的道德,道德比法律或制度重要。國民形象體現在明 治天皇《教育勅語》(Kyoiku Chokugo)於 1890年頒布。該大指的教育觀點接近儒家色 彩,如:人民要勤勞、節儉、勇敢、忍耐、新知、大膽、愛國、尊重天皇等理念。<sup>42</sup>

高賀詵三郎《國民讀本》的編撰不外平日本十九世紀末葉的具有現代知識的新式教 科書潮流。該書的內容包括國家之定義及起源、國之資格、政治之體裁、政治之目的、 法律、憲法、刑法、人權、租稅、兵役、愛國之情、國體之基本、族制之種類、君臣之 情、君主與宗教之關係、官制等專門知識。

有關高賀詵三郎的《國民讀本》,西村茂樹(Nishimura Shigeki)43在該書的序文 云:

序。語曰:工欲善其事。必先利其器。近日之教育家多選法而不選書。吾未 見其可也。然良書岂易得哉。淺於學力者。不得作良書。乏於經驗者。不得 作良書。無此二短者。天下其有幾。然著者能以誠意從事於著作。則學力經 驗雖未深遠。亦有能足以資教育者。越後人高賀北山著國民讀本。來索序。 余一閱之。多學現行制度法律以為篇。蓋在將使國民先知國法。由是生忠君 爱國之心。其意固美而其編著之法亦頗得官。若能選取以充教科之用。其於 養成民德。必應有大可觀者。然用書猶用器也。良工能化鈍器為利器。拙工 則反平是。余望世之教育者。不以此書為鈍器也。明治二十二年十一月東京 西村茂樹識。44

在該書中的另一本序言,高賀詵三郎的好朋友佐分利金藏(Saburi Kinzou)寫道:

之前,我有聽說法國有一門課讓了解國民,或如美國有提供政治讀本。因 此,對我們國家來說要詳細了解並選擇國家政體;從小要對皇室、國體、政 府、國會、軍役、租稅等概念有所理解;要敬重皇家,相信政府。45

<sup>&</sup>lt;sup>42</sup> See: Benjamin Duke, "The Imperial Rescript on Education: Western Science and Eastern Morality for the Twentieth Centure, 1890," The History of Modern Japanese Education: Constructing the National School System, 1872-1890 (New Brunswick: Rutgers University Press, 2009), 348-369; Ozaki Mugen, Cai cách giáo duc Nhật Bản (Nguyễn Quốc Vương dịch, Hà Nội: NXB Từ điển Bách khoa, 2014),pp. 83-88.

<sup>43</sup> 西村茂樹(Nishimura Shigeki, 1828-1902),號泊翁(Hakuo),十九世紀日本有名啟蒙家、西洋學 家、教育學家、文學博士,日本弘道會創始人。

<sup>44</sup> 高賀詵三郎:《國民讀本》(東京:敬業社,1890),頁 1-2。

<sup>&</sup>lt;sup>45</sup> 同註 44,頁 2。日文原文:「余曽で佛國の小学に於て人民須知さる一科を加ひ米國に於てハ政治讀 本を授くることを聞き以爲らく私か邦まだ其の制を斟酌して幼より皇室國体政府國会兵役租税等 の大要を理解せしめなば其の皇室を尊び其の國家を愛し其の政府を信ずる」。

不僅只有西村茂樹認為教育家若使用該書教小學生,「其於養成民德。必應有大可觀者」,連佐分利金藏也認為「幼童收其教育」:「幼童會忠君愛國和更加有用,我們會培養出愛國的國民,知道立國的原理。」<sup>46</sup>總之,高賀詵三郎、西村茂樹和佐分利金藏的願望都是:「國民先知國法。由是生忠君愛國之心。」<sup>47</sup>因此,該書的編撰理念應是以培養國民新知識為主,實施智、體、德等「三教」政策,培養「忠君愛國」精神。

#### (三)大隈重信的《國民讀本》(1910)

大隈重信(Okuma Shigenobu, 1838-1922),日本武士、政治家,同時也是一位教育家。他曾擔任明治政府的重要職位,曾做到首相之職,對教育有許多貢獻;他是早稻田大學(Waseda University)的創始人,至今仍為日本有名私立大學之一。

明治 43 年(1910)3 月,大隈重信初版《國民讀本》,認為日本的青少年教育程度 太低,不知道什麼叫政治。他迫切認為應該提供國民一些基本知識。該書的精神和態度 是寫給有氣質的日本人,所以成為日本的暢銷書,作者在書的最後表示:「我等要成為 至誠。我等要正義,要成為仁愛之人。我等若沒有堅定和犧牲的精神,就無法有剛健的 意志。」<sup>48</sup>這是大隈重信所追求的最高教育目的。



大隈重信的《國民讀本》

大隈重信著書的內容包括來源、國民性格、教 育、人格、愛國、國民的權利與責任義務、法權行 政、法律、法院、刑律、警察、租稅、軍隊、兵役、 振興功業、銀行、錢幣等很多知識領域。該書編撰,

一方面接受 *The Citizen Reader* 的西學知識,另一方面 結合大隈重信從政生涯的日本知識,對現實社會和人的 敏銳了解、對社會階層,特別是青少年,再加上政治、

社會、國際狀況等等內容。

我們在此提到大隈重信的作品的原因是因為其書於 1910 出版,晚於越南《新訂》本 (1907) 不久。更引人注目的是,20 世紀初談到越南東游運動,許多越南出版品都有提到大隈重信。前文談到 1905 年的大養毅、大隈重信與潘佩珠等的會晤。大隈重信在從政期間已經編撰、共同編撰、翻譯、主編各種有關青少年、國民教育、世界與本國社會、政治、經濟等書籍和雜誌。因此,我們推斷當時大隈重信、越南知識分子與中國知識分子在日本見面,也許已經探討如何改善國民知識,根據每個國家的具體背景來建設與發

<sup>46</sup> 同註 44,頁 3。日文原文:「幼童に授けば今より一層忠實有用なる國民を養成し以て邦基を鞏るして天壤と共に窮りなからしめ且彼の歐人をして永く驕慢ならをめざるに庶幾うらんか」。

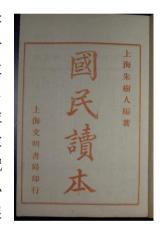
<sup>&</sup>lt;sup>47</sup> 同註 44,頁2。
<sup>48</sup> 大隈重信:《國民讀本》(東京:丁未出版社及寶文館、明治四十三年 1910),頁 199。日文原文:「我等は至誠なるべし、我等は正義にして、仁愛なるべし。我等は剛健なる意志に兼ぬるに、犠牲の精神を以てすべし」。

展國民教育?因此,越南本、中國本的知識內容與大隈重信的著作有很多相關之處,雖然大隈重信的著作較晚出版。

總之,從日本的角度來看,十九世紀英文版 The Citizen Reader 傳入到日本,並廣泛流傳。隨著當時翻譯西方書籍的熱潮,也許很多日本學者已經注意翻譯或模仿《國民讀本》,其中高賀詵三郎的《國民讀本》(1890)目錄及該書所探討的專門知識都與英國、中國和越南版本有相關性。同時,從目前我們在日本所收集到的資料來看,在時間上,高賀詵三郎的作品在東西書籍交流幾乎更為合理,從英國的 The Citizen Reader 到越南的《新訂國民讀本》。但該論點尚有很多限制,因為到目前為止,我們所收集到的日本資料還沒有足夠來做出正確推斷。因此有關該節的內容,我們希望能得到諸位學者指正,尤其是日本學者。

# 七、中國:朱樹人的《國民讀本》(1903)

根據顧廷龍主編的《清代硃卷集成》中所記載,朱樹人字慶一,號槱之,同治丙寅年(1866)十一月二十八日吉時生於上海。<sup>49</sup>根據百度網站搜尋得知:他是漢族,上海交通大學五位創校人之一。他根據英美教科書,編撰《蒙學課本》,於 1901年刻印(光绪二十七年孟夏出版)。該書在中國廣泛流傳,並在各所小學使用。此外,他還編撰《物算教科書》、《筆算教科書》、《本國地理教科書》等,被刊印和普遍使用於 20 世紀初的各所小學<sup>50</sup>。百度雖沒提到《國民讀本》,但從編撰其他小學教科書的興趣來看,朱樹人編撰《國民讀本》是完全有根據。



1903 年 2 月,朱樹人的《國民讀本》由上海文明書局刊行。<sup>51</sup>書有上下兩卷(與越南的《新訂國民讀本》一樣),不同的是中國用卷,越南用編。作者在「編輯大意」云:

是書仿泰西國民教育書體例,專為教育少年而設。凡社會、國家、國民之名 義、國民之公德、政體、官制、學校、軍政、賦稅、法律、交通、警察、民

<sup>49</sup> 顧廷龍主編:《清代硃卷集成》(臺北:成文出版社,1992),第197集,頁193。

<sup>&</sup>lt;sup>50</sup> http://baike.baidu.com/item/朱樹人,檢索日期:2017年2月。

<sup>51</sup> 李良品:《中國語文教材發展史》(重慶:重慶出版社,2006),頁 265。

政、戶律、宗教之名義制度、以及計學之要義、皆具焉。文理淺白,語氣和平。意在開通民智以立變政之基礎,無攻擊政府之意。52

由此可知: (1)中國的《國民讀本》根據西方作品編寫(2)中國的《國民讀本》是譯本?朱樹人的作品除了 1903 年的《國民讀本》外,還有其他作品,如光緒 27 年 (1901)的《蒙學課本》,該書也是仿歐美教科書。

在追溯原文本的過程,我們驚訝地發現越南《新訂國民讀本》目錄架構與朱樹人的《國民讀本》目錄一樣,這部分於下章節將仔細對照分析。《國民讀本》的內容有很多知識來自歐美以及日本,目錄的一些內容又與高賀詵三郎的《國民讀本》類似。因此有可能朱樹人一方面直接根據 Arnold-Forster 的英文版(如在「編輯大意」所說),又參考了日本的版本來編撰,而這裡可以論斷為 1890 年高賀詵三郎的書。

# 八、中越兩本目錄和內容對照分析

有關「書籍流傳基因」有曾祖-內祖-父-兒子,相對應為英-日-中-越四種版本。後來的版本會承繼以前的版本,不斷更新本土知識。各種版本的共同點是都具有西方文明的文化和科學技術知識。個別知識乃本國問題。本文附錄中具有五種書的目錄對照表(包括日本兩種)。











英國本

日本兩本

中國本

越南本

除了大隈重信本(1910)有時間方面上的矛盾,剩下的日本高賀詵三郎本(1890),中國朱樹人本(1903)和越南本(1907)都順著時間的先後順序在不同的空間展開流傳的旅程。越南本和中國本都有高賀詵三郎書和大隈重信書中的有關日本的知識(英文本中沒有)。此外,大隈重信書所涉及到的知識領域比高賀詵三郎本還多。深入每一種知識項目對照,就發現大隈重信書與中國本和越南本則有更多相同之處。那麼,為什麼中國本和越南本卻比大隈重信書更早出版?如上所述,若沒有根據某日本書籍做參考,越南和中國在19世紀末20世紀初的背景下,難以編撰有關世界形勢、西歐文

<sup>52</sup> 朱樹人:《國民讀本》上卷:編輯大意(上海:文明書局發行所,1903)。

明和詳細了解日本的書籍。由此可知日本作品難以晚於中國、越南本。本文暫時提出兩個假設:(1)中國作者已經參考高賀詵三郎本,或者尚未確定的另一本。根據 Joan Judge 的考證,雖然中國所出版的教科書首先模仿西方傳教士教材的模式,但中國新式教科書如果有大成功的(例如商務印書館的教科書)卻直接受到日本的影響。<sup>53</sup> 商務印書館於 1897 年在上海成立,出版了許多日式的教科書,而上海文明書局也出版新式教科書,即朱樹人 1907 年的《國民讀本》。所以很有可能朱書也直接受到日本《國民讀本》的影響,因為它也能算是屬於在上海所出版的模仿日式教科書運動。(2)中國作者已經參考大隈重信的出版之前的書稿。第 2 假設也可能是對的:在中國,日本書籍普遍傳入;在越南,潘佩珠與大隈重信於 1905 見面,彼此之間有討論教育,也許當時有大隈重信尚未出版的稿子?那麼第二假設可以成立?書籍的溯源尚未結束!我們會繼續不斷研究。

但是有一點我們可以肯定,越南本是直接且全面參考中國本。越南本的目錄和內容,比英國本和日本本更接近中國本。為了釐清這一點,以下附表將根據不同符號來說明,標示如下:

◎:問題討論一樣,內容完全一致。

○:問題討論一樣,但有修改一些詞彙,或詞彙用法不同。

△:問題討論一樣或擴大,但詞彙用法不同。

●:問題討論一樣,但所談的地點不同(中國、越南)

▼:內容只在中國本有。

▶:內容只在越南本有。

中國《國民讀本》目錄		越南《新訂國民讀本》目錄	We I store to I store
文明書局發行所,1903		東京義塾印行,1907	對照結果
上卷、下卷		上編、下編	
社會緣起	1.	社會緣起	0
愛群	2.	愛群	0
戀家戀鄉非愛群	3.	戀家戀鄉非愛群	0
爭先	4.	爭先	0
博愛	5.	博愛	0
立信	6.	立信	©
存恕	7.	存恕	0
原國	8.	原國	0
中國立國之古	9.	我國立我之古	•
中國開化之早	10.	我國開化之早	•
文明	11.	文明	0
文明無止境	12.	文明無止境說	0

<sup>53</sup> Joan Judge: 〈改造國家:晚清的教科書與國民讀本〉,載《新史學》12卷2期(2001),頁6。

國家與人民之關係	13.	國與人民之關係	0
國民解	14.	國民解	0
通商傅數			•
國恥			4
國不能獨立之懺	15.	國不能獨立之懺	0
民強則國強	16.	民強則國強	0
愛國	17.	愛國	0
愛國之實	18.	愛國之寔	0
忠義	19.	忠義	0
獨立	20.	獨立	0
勿觀望政府	21.	勿觀望政府	0
進取	22.	進取	0
競爭	23.	兢爭	0
天命正誤	24.	天命正誤	0
勇武	25.	勇武	©
原政			4
政體	26.	政體	0
原君	27.	原君	0
原官	28.	原官	0
	29.	本國官爵及政府	<b>•</b>
中國政府			4
中國地方制度			4
日本政府及地方制度	30.	日本官爵及政府	$\triangle$
中國官制論			4
日本國議會及地方議會	31.	日本國議會及地方議會	0
國民宜知政理	32.	國民宜知政理	0
變政之難	33.	論變揖習之難	$\triangle$
教育	34.	教育	0
釋學	35.	釋學	0
中國學術論			4
中國學校			4
日本學校	36.	日本學校	0
科舉之害	37.	論科舉之害	0
不行科舉之無害	38.	論不行科舉之無害	0
原兵	39.	原兵	0
中國兵制			4
中國兵制論			4
日本徴兵法	40.	日本徴兵略法	0
賦稅名義	41.	賦稅	0
中國賦稅			4
中國賦稅論			4
釋權利職分	42.	釋權利責任	0
原法	43.	原法	0

法律名義	44.	釋法	0
中國司法各官	45.	中國司法各官	0
日本裁判制度	46.	日本裁判制度	0
中國刑罰			•
日本刑罰	47.	日本刑罰	0
中國刑獄之懺			•
中國獄訟之害			◀
變法必先立信	48.	變法律必先立信	0
論交通法	49.	論交通法	©
中國交通各法			4
論地方政務 地方應行政務	50.	地方應行政務	<b>•</b>
地方應11以份     論地方警察	51.	地方應行政務     論地方警察	©
日本地方警察	52.	日本地方警察	©
編審	53.	編審	©
法國民跡據	54.	法國民跡據	0
戶律舉要一			•
戶律舉要二			•
戶律舉要三			4
宗教	55.	宗教	0
教案			4
產業	56.	產業	0
國法保護產業	57.	國法保護產業與產業所生之利	0
專利	58.	專利	0
眾人分業主之利			4
人功生利	59.	人功生利	0
職業多寡有眼	60.	職業多寡有眼	0
中國宜振興寔業	61.	我國宜振興寔業	•
分功	62.	分功之法	0
機器	63.	機器	0
機器何害於人功	64.	機器何害於人功	0
免分功及用機器之害	65.	免分功及用機器之害	0
大工藝之益	66.	大工藝之益	0
工債	67.	工債	0
上原	68.	上原	©
- 1 1		- , ,	
<b>貴本消長之理</b>	69.	貲本消長之理	©
動積蓄	70		•
大貲本家有益於貧戶	70.	大貲本家有益於貧戶	0

	貿易	71.	貿易	0
	通商	72.	通商	0
	貨幣	73.	貨幣	0
	圜法	74.	圜法	0
	<b>赊借</b>	75.	<b></b>	0
	銀行	76.	銀行	0
	欠票匯票及銀行折扣	77.	欠票匯票及銀行折扣	0
	鈔票	78.	票	0
	公司	79.	公司	0
Tổng	101		79	

#### 統計結果如下:

©: 101/79/61

 $\bigcirc: 101/79/11$ 

△: 101/79/2

**(a)**: 101/79/3

**◄**: 101/79/24

**▶**: 101/79/1

該目錄對照表有幾點需要說明。若根據標目對照,有幾點不同,如下表。但我們根據正文對照來看,結果是一樣的,所以中國本的標目與內容有點不同。越南作者因為看到這點,所以編撰是已經把目錄和正文做出修訂。

中國《國民讀本》		越南《新訂國民讀本》	對
目錄	内容	目錄及內容	照
			結
			果
53.釋權利職分	課五十三釋權利責任54	42.釋權利責任	0
55.法律名義	課五十五釋法55	44.釋法	0

中國本有 24 小目解釋更清楚,或解釋中國本身的問題。其他部分,越南的《新訂》 基本上全部模仿中國本所討論的問題。唯一談到問題的有 3 個,依序為:9-9:立國之古,10-10:開化之早;82-61:宣振興實業,作品有區別的地方,在於是中國還是越南(我國)。

在越南本的 79 目中有至少 60 目屬於「◎」組,相當於 77%是來自中國本。這個比例還尚未包含「○」組的 11 目和「△」的 2 目,這當中大多數的內容都抄自中國本。目前尚未計算清楚徵引原文的比例,但我們暫算不可以少於全部越南《新訂國民讀本》本的 90%。同時,在中國本的 101 目里,越南本有 24 目完全沒有,即東京義塾的編撰者已經刪除 1/4 中國本內容(24%)。總之,越南的《新訂國民讀本》已經刪除 1/4 中國《國民讀本》的內容,其余 3/4 部分內容里,有 90%直接接受中國內容,其他 10%只是更改

<sup>54</sup> 朱樹人: 《國民讀本》下卷 (上海:文明書局發行所,1903),頁 1a。

<sup>55</sup> 同上註,頁 2b。

詞句和新的內容。越南《新訂》同時也保留中國本的內容順序。這就是越南《新訂》中 國本的方法。









中國《國民讀本》目錄

越南《新訂國民讀本》目錄

除了以上內容對照之外,若根據越南、中國兩本的編輯大意,也看到很多共同點, 以下為編輯大意開頭的對照:

#### 中國《國民讀本》編輯大意

國民教育者,所以培養忠義果敢之國民也。中 土教育最重道德,智能次之。國民教育則莫之 及焉。難者曰:尊君、親上、守法、急公、奉 租稅、敬官長之義,吾齊民之稍有知識者類能 言之;而才俊之士頗能究心於古今中外政治之 得失。子謂其無國民教育者,何也?曰:歷代 文獻,本朝掌故。惟有志於公卿大夫者,則習 之,非國民教育普及齊民之旨。若夫定上下之 分,嚴禮法之防,此教人民之道也。人民與國 民之別,見本書國民解。教國民者不然,必發 明國與民相關之理,使知吾身於社會國家之 中,其位置若何,職分若何,起愛國愛群之 念,養自治自立之才,其道莫要於此。教人民 者曰:天子食租衣稅,吾民當踴躍輸將,逋賦 者必誅。教國民者曰:國之有稅,所以治國事 也,國民而逋賦,是欺國以自欺矣。二者源同

#### 越南《新訂國民讀本》編輯大意

國民教育者,所以培養忠義果敢之國 民也。我國教育首重道德,智能次 之。國民教育則莫之及焉。難者曰: 尊君、親上、守法、急公、奉租稅、 敬尊長之義,吾齊民之稍有知識者皆 能言之;而才俊之士頗能究心於古今 中外政治之得失。子謂其無國民教 育,何也?曰:歷代文獻,本朝事 故。惟有志於公卿大夫者,則習之, 非國民教育普及齊民之旨。夫定上下 之分,嚴禮法之防,此教人民之道 也。教國民則不然,必發明國與民相 關之理,使知吾身於社會國家之中, 其位置若何,職分若何,起愛國愛群 之念,養自治自立之才,其道莫要於 此。二者源同而流異,差毫璃而謬千

而流異,差毫厘而謬千裏者也。<sup>56</sup>

裏者也。57

在此只有一些詞彙不一樣,如:「中土」(指中原)成「我國」(指越南),「最重」成「首重」,「敬官長」成「敬尊長」,「類能」成「皆能」等。其他地方,或因內容敘述而簡略,或完全刪除中國有關的部分。具體以編輯大意為例,越南本有2張(4頁),中國本有4張(7頁)。中國本有2張(4頁)專門談到「國政之敗壞」<sup>58</sup>或「國民教育主使君民一德通國一心」,<sup>59</sup>或「中國多佳子弟,鮮良國民。凡國民不可少兩種性質:一獨立性質、一合群性質」<sup>60</sup>等問題。這些在越南本都被刪除。







越南《新訂國民讀本》編輯大意

# 九、結語

越南著名學者阮南學者認為:

東亞前現代社會里,在著作權(authorship)、版權(copyright)、智慧財產

<sup>56</sup> 同註 52, 頁 la。

<sup>&</sup>lt;sup>57</sup> 東京義塾: 《新訂國民讀本》上編:編輯大意, (河內:東京義塾印行, 1907), 頁 4ab。

<sup>&</sup>lt;sup>58</sup> 朱樹人:《國民讀本》上編:編輯大意,同註 52,頁 2a。

<sup>59</sup> 同前註,頁 2a。

<sup>60</sup> 同前註,頁 3a。

權(intellectual property)的概念-意識尚未清楚形成和受法律的限制之前,「自由」引用知識是普遍現象。在一定的程度里,它好像是「天下為公」的精神,所以不會因「抄襲」(plagiarism)或「違反版權」(copyright violation)而煩惱。 $^{61}$ 

東亞的各種《國民讀本》在這樣的背景之下形成。The Citizen Readers 是英國和其他西方國家常見的書籍。該書早已在文明開闊、勸學、新知識、西方知識等方面肯定自己的價值。因此 The Citizen Reader 也是很早飄洋過海從歐洲傳到同文同種的東亞。在 19 世紀末 20 世紀初,東亞維新熱潮中,從日本到中國和越南,The Citizen Reader 在開化、教育方面不斷刻上自己的烙印。雖然在日本的流傳線路還是存在一些模糊,但是我們可以確定,在不同的地方,每一個國家的作者所編的《國民讀本》都「區別」於原書。這些區別來自不同國家的歷史狀況、政治活動、宣傳新的文化思想、新的教育方法等,同時也來自編撰者的知識學問。無論如何改變,各國的版本都保留了新學知識、西方知識的核心問題。日本、中國和越南的編撰者沒有指出他們所引用資料的來源,但從文本內容可以看到後者對前者接受了不少知識。依今天版權、著作權來看,這種做法是不能允許。但在近世東亞背景下,這是正常現象,得到各個國家的認同。62

<sup>61</sup> Nguyễn Nam, "Thiên hạ vi công: Đọc lại Tân đính luân lý giáo khoa thư trên bối cảnh Đông Á đầu thế kỷ 20," 頁 121. 越文原文: "Trong xã hội Đông Á tiền hiện đại, khi ý thức / khái niệm về tác quyền (authorship), bản quyền (copyright) và sở hữu trí tuệ (intellectual property) còn chưa hình thành rõ rệt và

(authorship), bản quyền (copyright) và sở hữu trí tuệ (intellectual property) còn chưa hình thành rõ rệt và chưa được tăng cường bởi hệ thống pháp chế, việc sử dụng "tự do" các thành tựu tri thức là khá phổ biến. Ở một chừng mực nào đấy, nó tựa hồ như dựa trên tinh thần "thiên hạ là của chung", và hầu như không bị vướng bận với những cáo buộc "đạo văn" (plagiarism) hay "vi phạm bản quyền" (copyright violation)."

<sup>62</sup> 本文大概於 2017 年初完成,4 月 27-28 日在臺灣中正大學《201 近世意象與文化轉型》國際研討會首次發表,同年 10 月 25 日修訂版又在臺灣中央研究院演講中再發表。本文第一作者於同年 11 月 16 日去越南胡志明市國家大學參加國際研討會時才能榮幸讀到越南著名學者阮南(Nguyễn Nam)博士大作:"Du hành tĩnh tại qua lăng kính tưởng tượng: Nguồn gốc sách Quốc dân độc bản của Đông Kinh Nghĩa Thực", Ki yếu hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam- giao lưu văn hoá tư tưởng phương Đông (TP HCM: NXB Đại học Quốc gia TP HCM, 2017), 330-349(英文題目為:"Travel in Place through the Prism of Imagination: The Origin of the Tonkin Free School's Textbook Citizen's Reader")。該文用越文寫,在研討會論文集發表,其論文集於 11 月出版(該文初稿和完稿可能更早完成)。雖然是全無關係的兩篇論文,但是本文與該文都引到同樣結論:越南《新訂國民讀本》直接受到朱樹人《國民讀本》的影響。兩文的區別在於,該文深入對照、探討那兩本書內容上的一些異同,並且分析在越南《新訂國民讀本》的文本接受過程中的讀者的角色;而本文卻溯源更早,指出越南和中國兩本的來源就是從英國和日本而來。

#### 引用書目

#### 一、傳統文獻

大隈重信:《國民讀本》,東京:丁未出版社及寶文館,1910年。

井田秀生:《國民讀本》,東京:牧野善兵衛等,1887年。

朱樹人:《國民讀本》,上海:文明書局發行所,1903年。

東京義塾:《新訂國民讀本》,河內:東京義塾印行,1907年。

李良品:《中國語文教材發展史》,重慶:重慶出版社,2006年。

高賀詵三郎:《國民讀本》,東京:敬業社,1890年。

Arnold-Forster, H.O., The Citizen Reader, London:Cassell & Company Limited, 1904 (revised version).

#### 二、近人論著

王勇、大庭修主编:《中日文化交流史大系-典籍卷》,杭州:浙江人民出版社,1996 年。

王勇等著:《中日書籍之路研究》,北京:北京圖書館出版社,2003年。

顧廷龍主編:《清代硃卷集成》第 197 集,臺北:成文出版社,1992 年。

Judge, Joan, 〈改造國家:晚清的教科書與國民讀本〉,載《新史學》12 卷 2 期,2001年。

- Beasley W. G., The Meiji Restoration, Standford: Standford University Press, 1972.
- Clements, Rebekah, A Cultural History of Translation in Early Modern Japan, Cambridge: Cambridge University Press, 2015.
- Đào Thu Vân, "Nhận thức về giáo dục Nhật Bản có trí thức Việt Nam đầu thế kỉ XX và dấu ấn của mô hình Khánh Ứng Nghĩa Thục (Keio Gijuku) trong phong trào Nghĩa Thục ở Việt Nam," Phát triển Kinh tế Xã hội Đà Nẵng, số 59 (9, 2014): 54-60.
- Chương Thâu biên soạn, Đông Kinh Nghĩa Thục và văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục, tập 2 , Hà Nôi: Nxb. Hà Nôi, 2010.
- Duke, Benjamin, The History of Modern Japanese Education: Constructing the National School System, 1872-1890, New Brunswick: Rutgers University Press, 2009.
- Eto Shinkichi, "Tính hai mặt của Nhật Bản thời Minh Trị và mối quan hệ Nhật Việt," 25 năm quan hệ Việt Nam Nhật Bản 1973-1998 (Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội, 1999), 81-89.
- Lackner, Michael and Vittinghoff, Natascha eds., Mapping Meanings: The Field of New Learning in Late Qing China, Leiden & Boston: Brill, 2004.
- Nguyễn Hiến Lê, Đông Kinh Nghĩa Thục, Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin, 2002.

- Nguyễn Nam, "Thiên hạ vi công: Đọc lại Tân đính Luân lí giáo khoa thư trên bối cảnh Đông Á đầu thế kỉ 20," Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 5 (122), 2015, tr. 121-141.
- Nguyễn Thị Việt Thanh, "Nhật Bản nhịp cầu chuyển tải tư tưởng và văn minh phương Tây vào phương Đông", Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX (Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 1997), 13-24.
- Nguyễn Tiến Lực, "Nhận thức của trí thức Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX về cận đại hoá Nhật Bản," Các vấn đề lịch sử văn hoá xã hội trong giáo lưu Việt Nam Nhật Bản (Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015), 319-336.
- Nhiều tác giả, Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 1997.
- Ozaki Mugen, Cải cách giáo dục Nhật Bản (Nguyễn Quốc Vương dịch), Hà Nội: NXB Từ điển Bách khoa, 2014.
- Phan Bội Châu, Phan Bội Châu niên biểu (Phạm Trọng Điềm, Tôn Quang Phiệt dịch), Hà Nội: Nxb. Văn sử đia, 1957.
- Phan Châu Trinh, Giai nhân kì ngộ, Sài Gòn: Nxb. Hướng Dương, 1958.
- Phan Huy Lê, "Phong trào Đông Du trong giao lưu văn hóa Việt Nhật," Quan hệ văn hóa giáo dục Việt Nam Nhật Bản và 100 năm phong trào Đông Du (Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006), 49-54.
- Tran My-Van, "Japan through Vietnamese Eyes (1905-1945)," Journal of Southeast Asian Studies 30, 1 (March 1999): 126-146.
- Vĩnh Sính eds., Phan Bội Châu and the Đông Du Movement, New Heaven: Yale Southeast Asia Studies, the Lạc Việt Series No. 8, 1988.
- Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa, TP Hồ Chí Minh: Nxb. Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2000.
- http://baike.baidu.com/item/朱樹人,檢索日期:2017年2月

# 附錄:英、日、中、越《國民讀本》目錄對照表

	1			
	《国民讀本》			《新訂國民讀
The Citizen Reader (1886)	(1890)	《国民讀本》(1910)	《國民讀本》(1903)	本》(1907)
H.O. Arnold-Forster	(日本高賀詵三郎)	(日本大隈重信)	(中國朱樹人)	(越南東京義
	(日本同英の二四)			塾)
CHAPTER I. WHAT IS MEANT BY		國民讀本目次(上編)	國民讀本上卷	國民讀本上編
BEING A GOOD CITIZEN		第一篇 大日本の國基	社會緣起	社會緣起
The Country we belong to—Why we are		第一章 天壌無窮の皇室	愛群	愛群心
Proud of our Country—		第二章 國民の資性	戀家戀鄉非愛群	戀家戀鄉非愛
England is what we make it—How to		第一節 至誠の道	爭先	群
become a Good Citizen—		第二節 忠君愛國	博愛	爭先
Private Duties—The Common Rule—How		第三節 孝悌友愛	立信	博愛
Lancashire did its		第四節 廉恥の心	存恕	立信
Duty—How we can Help the Country—			原國	存恕
Two Ways of Doing our		第五節 好潔の民	中國立國之古	
Duty		第六節 同化の力		原國
CHAPTER II. PATRIOTISM		第二篇大日本帝國の發達	中國開化之早	我國立我之古
What the word Means—The True Patriot—		第一章 豐葦原の中津國	文明	我國開化之早
The Magazine at		第一節 建國創業	文明無止境	文明
Delhi—The Story of Columbus, and its		第二節 皇權の伸張	國家與人民之關係	文明無止境說
Lesson—False		第三節 藤原氏時代	國民解	國與人民之關
Patriotism— Be Just and Fear Hot		第二章 封建時代	通商傅數	係
CHAPTER III. HOW THE COUNTRY IS		第一節 武門の政治	國恥	國民解
GOVERNED		第二節 封建の社會	國不能獨立之懺	國不能獨立之
Who Governs—Parliament—The House of		第三節 武士道	民強則國強	懺
Commons—	第一章 國ノ定義及起	第四節 文物の興隆	愛國	民強則國強
Voting— The Duty of Voters—The	原	第五節 開國の由來	愛國之實	愛國
Ballot—Bribery	第二章 國ノ資格	第三篇 今上の御親政	忠義	愛國之寔
CHAPTER IV. QUEEN, LORDS, AND	第三章 政治/体裁	第一章 明治維新	獨立	忠義
COMMONS	第四章 政治ノ目的	第一節 大政奉還	勿觀望政府	獨立
How Acts of Parliament are Made—The	第五章 法律	第二節 維新の大詔	進取	勿觀望政府
Queen—	第六章 憲法	第三節 廢藩置縣	元 t	進取
House of Lords—House of Commons—	第七章 刑法	第二章 立憲政體の創始	天命正誤	競爭
How Laws are Made—	第八章 人權	第一節 専制政治の弊	勇武	天命正誤
An Act of Parlia-ment—The Royal	第九章 租稅	第二節立憲政體の要旨	原政	勇武
Assent—The Law of the	第十章 兵役	國民讀本目次(下編)	政體	政體
Land—The Law must be Obeyed		第三節立憲政體の由來	原君	原君
CHAPTER V. HOW THE LAWS ARE	第十一章愛國ノ情	第四節 立憲政體の準備	原官	原官
CARRIED OUT	第十二章 國体ノ基本		中國政府	本國官爵及政
Public Offices—The Home Office—The	第十三章 族制ノ種類	第五節 大日本帝國憲法の		
Admiralty and War	第十四章 君臣ノ情	制定	中國地方制度	府
Offices—Colonial Office—The Foreign	第十五章 君主卜宗教	第三章 立憲政體	日本政府及地方制度	日本官爵及政
Office—Ambassadors—	/關	第一節 統治の大權	中國官制論	府
Other Offices—Post Office—The Penny	係	第二節 臣民の權利義務	日本國議會及地方議會	日本國議會及
Post—The Blind	第十六章 官制上	第三節 帝國議會	國民宜知政理	地方議會
Postmaster—Public Examinations	第十七章 官制下	第四節 法律と命令	變政之難	國民宜知政理
CHAPTER VI. OUR LITTLE		第五節 選擧權の尊重	教育	論變揖習之難
PARLIAMENTS		第四章 行政の機關	釋學	教育
County Councils—How they are Elected—		第一節 中央政府	中國學術論	釋學
What they Do — Old		第二節 地方の行政	中國學校	日本學校
Friends with New Faces—A Good Old		第三節 自治制度	日本學校	論科舉之害
Way		第五章 法律の擁護	科舉之害	國民讀本下編
CHAPTER VII. LAW AND JUSTICE		第一節 裁判所	國民讀本下卷	論不行科舉之
The Old Plan and the New—The Bad Old		第二節 訴願及び行政裁判	不行科舉之無害	無害
Way—Two Rules—		第三節 警察の制度	原兵	原兵
The Judges—The Work of the Judges—		第四節 監獄の制度	中國兵制	日本徴兵略法
The Jury—Use of the		第六章 國家の兵備	中國兵制論	賦稅
Jury		第一節軍備の要	日本徴兵法	釋權利責任
CHAPTER VIII.—Part I. THE TRIAL		第二節 兵役の義務	賦稅名義	原法
Maxims—The Crime—The Accusation—		第三節 陸海軍の編制	中國賦稅	釋法
The Court—The		第二郎 陸海軍の編制 第七章 運輸及び通信	中國賦稅論	中國司法各官
Lawyers—The Judge—The Story of Judge		第一草 煙輛及び煙店 第一節 運輸機關		
Gascoinge and Prince			釋權利職分	日本裁判制度
Henry—The Jury—The Trial—The		第二節 通信機關	原法	日本刑罰
Witness—The Prisoners—		第八章 國家の交際	法律名義	變法律必先立
WILLIESS THE FIISUREIS—	Ì	第一節 世界的關係	中國司法各官	信

The Counsel— The Summing-up —The	<u> </u>	第二節 締盟國	日本裁判制度	論交通法
Verdict—Criminal and		第九章 國家の財政	中國刑罰	地方應行政務
Civil Trials		第一節 歳出歳人	日本刑罰	論地方警察
CHAPTER VIII.— Part II. THE		第二節 納稅義務	中國刑獄之懺	日本地方警察
AUTHORITY OP THE LAW		第三節 公債	中國獄訟之害	編審
The Power of the Judges—Punishments—		第十章 國家の富源	變法必先立信	法國民跡據
Why we should		第一節 殖産興業	論交通法	宗教
Honour the Judge—The Policeman		第二節 勤儉貯蓄	中國交通各法	產業
CHAPTER IX. THE NAVY AND		第三節富の運用	論地方政務	國法保護產業
ARMY. —PART I		第四節 通貨及び銀行	地方應行政務	與產業所生之
The Defence of the Country—Who Ought				
to Fight for the		第十一章國家の膨膜	論地方警察	利
Country? Volunteer Enlistment and		第一節臺灣及び樺太	日本地方警察	專利
Conscription — The Frontier		第二節韓國の保護	編審	人功生利
of England —Another Frontier—Why the		第三節 關東州の租借	法國民跡據	職業多寡有眼
Navy comes first—		第十二章 國民の教化	戶律舉要一	我國宜振興寔
Our Sailors— The Marines—What the		第一節 教育の道	戶律舉要二	業
Navy does		第二節 品性の修養	戶律舉要三	分功之法
CHAPTER X. THE NAVY AND		第三節 國民の健康.	宗教	機器
ARMY.— PART II		第四篇 大國民の理想	教案	機器何害於人
The Army—The Four Branches of the		第一章 臣民と國家	產業	功
Service—Who Commands		第一節 個人の責任	國法保護產業	免分功及用機
the Army and Navy — Discipline —		第二節 家族の結合	專利	器之害
Practice — Patience —		第三節 郷黨の團結	眾人分業主之利	大工藝之益
Faith in Others— Obedience to Lawful		第四節 國家の向上	人功生利	工債
Orders—The Value of		第二章 國旗の光	職業多寡有眼	士 (b) 生
		第一節日本の天職	中國宜振興寔業	貴本消長之理
Discipline — The Loss of the Birkenhead		第二節 平和と人道	分功	大貲本家有益
CHAPTER XI. THE AUXILIARY FORCES				
Who are the Auxiliary Forces —Every		第三節 國民の道德	機器	於貧戶
Man must Serve if			機器何害於人功	貿易
Required—Yeomanry—The Volunteers—			免分功及用機器之害	通商
The Use of the			大工藝之益	貨幣
Volunteers— Our Countrymen in the			工債	圜法
Colonies—How Australia			貲本	賒借
			貲本消長之理	銀行
helped the Old Country—The Horrors of			勸積蓄	欠票匯票及銀
War—Unjust Wars			大貲本家有益於貧戶	行折扣
CHAPTER XII. THE FLAG.—PART I			貿易	票
The Union Jack—What the "Union			通商	公司
Jack" Means—The Use of			貨幣	
the Flag—The Story of Khartoum—The			圜法	
Flag at Lucknow—The			賒借	
Relief			銀行	
CHAPTER XIII. THE FLAG.— PART II			欠票匯票及銀行折扣	
The Use of the Flag in Peace—The Flag in			シ票	
War—Freedom under			公司	
the Union Jack—Why we should Honour			417	
the Flag				
CHAPTER XIV. TAXATION				
What are Taxes ?—Who Pays ?—What				
Taxes are—Rates—				
School Rates — What the Country Pays—				
The Country's				
Accounts—Direct and Indirect Taxes—				
Direct Taxes — Indirect				
Taxes — Who Pays Indirect Taxes—Taxes				
on Bread—				
Parliament Votes the Taxes				
CHAPTER XV. OUR DUTY TOWARDS				
FOREIGN				
COUNTRIES— PART I				
The Barbarians — Look at Home—Result				
of Ignorance—How				
Travel Teaches us				
CHAPTER XVI. OUR DUTY TOWARDS				
FOREIGN				
COUNTRIES— PART II				
A Strange Country — An Account of the				
Tribe—Their Diet —				
·		•		•

Their Drink—Their Strange Birds and			
Plants—Their Manners—			
Their Clothes - Their Daily Habits - What			
is the Name of the			
Country			
CHAPTER XVII. OUR DUTY			
TOWARDS FOREIGN			
COUNTRIES—PART III			
A Lesson, to be sure of your Facts—The Story of the Two			
Knights—The Moral—How Wars are			
Begun—Enemies of their			
Country—Some Good Rules to Remember			
CHAPTER XVIII. EDUCATION			
What Education Means—Some			
Schoolroom Lessons—Precept			
and Practice— Schools and School			
Boards—Scholars— School			
Attend-ance a Credit to the School—			
Reading, Writing, and			
Something Else—Eyes and No Eyes—			
How to Rise—			
Compulsion—Three Reasons for Going to			
School CHAPTER XIX. THRIFT			
Save against Old Age—Save to Help			
Others— Save to Keep Out			
of the Workhouse— One More Reason for			
Saving—How to Save			
<ul> <li>Savings Banks—The Post Office</li> </ul>			
Bank—Take Care of the			
Pence —What Pennies can do—Clubs and			
Friendly Societies—			
When to Begin Saving			
CHAPTER XX. FREEDOM			
England is a Free Country—What Freedom Is —What we are not			
Free to do—Trade Societies —Unpleasant			
Trades—Sale of			
Dangerous Things—Liberty of the Press—			
Abuse of Liberty—			
The Power of Newspapers—The Rule of			
Liberty			
CHAPTER XXI. HOW OUR FREEDOM			
WAS WON. Our Freedom is New—Freedom of			
Thought —Freedom of the			
Press—Prynne — Cobbett — Other			
Instances— What we Owe			
to our Forefathers			
CHAPTER XXII. WATCHWORDS.			
English Liberty—Charters and Statutes—			
Magna Charta—Old			
Laws, Good and Bad—Another Gift of the			
Charta —Promise and			
Per-formance —Habeas Corpus—The End			
of Slavery—The Use			
of Watchword			
	<u> </u>		

# Dissemination of Western Learning in the East and the Book Exchange: A Study of the Late Imperial Vietnam's Revised Version of the Citizen Reader

Nguyen Tuan-cuong\* Luong Thi-thu\*\*

#### **Abstract**

The process of "dissemination of Western learning in the East," including book exchange and influence, took place in all countries in the region of Sinitic culture in East Asia. This paper traces the sources of the Revised Version of the Citizen Reader published by the Tonkin Free School in Vietnam in 1907. Through research and comparison with bibliographic sources from East and West, the paper surmises that the originary source of that work is The Citizen Reader by Arnold-Forster (1855-1909), first published in England in 1886. This book quickly became celebrated, and it was transmitted to and widely used in Japan as early as the late nineteenth century. Japanese people soon imitated it to compile different versions of *The Citizen Reader*. One of those Japanese versions has influenced a version of *The Citizen Reader* by Zhu Shuren published in China in 1903. The Chinese version in turn spread its influence to Vietnam, causing Vietnamese literati at the beginning of the twentieth century to imitate, abridge and recompile it into the Revised Version of the Citizen Reader (1907). The Vietnamese book has therefore experienced three layers of influece from England, Japan and China, which helps us to imagine the process of book exchange from the West to the East and the modernization of knowledge in the late imperial period. Though the authors from each country have given their books their distinctiveness through the supplement of local knowledge, regardless of the changes, the publications in the various countries still maintain a core of new learning and Western knowledge.

**Keywords:** The Citizen Reader, Revised Version of the Citizen Reader, Vietnam, book exchange, new books

<sup>\*</sup> PhD, Director, Institute of Sino-Nom Studies, at Vietnam Academy of Social Sciences, Vietnam.

<sup>\*\*</sup> MA, Institute of Sino-Nom Studies, at Vietnam Academy of Social Sciences, Vietnam.